

Số: 64/2022/QĐST - DS

ĐD, ngày 27 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 146, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009; Điểm đ Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 100/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng X; địa chỉ: 18 THD, Phường MĐ, Quận TL, Tp. HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, Chức vụ: Tổng giám đốc (theo quyết định số 1058/QĐTV-TCTL ngày 18/12/2019 về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng X Việt Nam).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức H, Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng X Chi nhánh ĐD.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Đình T, chức vụ: Trưởng phòng KHKD X chi nhánh ĐD. Theo giấy ủy quyền số 314 ngày 12/4/2022 của Giám đốc X chi nhánh ĐD.

Bị đơn: Ông YT, sinh năm: 1961 và bà MK, sinh năm: 1964; Địa chỉ: thôn K, xã TT, huyện ĐD, tỉnh LD.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông YT và bà MK có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng X tổng số tiền 703.890.412 đồng (Trong đó, số tiền nợ gốc là 600.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 19/9/2022 là 103.890.412 đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành (ngày 19 tháng 9 năm 2022) cho đến khi trả hết nợ, ông YT và bà MK còn phải chịu số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng X theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 5405LAV202001017 ngày 25/02/2020 và hợp đồng tín dụng số 5405LAV202100965 ngày 05/3/2021 giữa Ngân hàng với ông YT và bà MK cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kì của Ngân hàng X thì lãi suất mà các bên phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng X.

Trường hợp ông YT và bà MK không trả được nợ cho Ngân hàng hoặc trả nợ không đầy đủ theo như đã thỏa thuận thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSD đất số P782189; diện tích 9.295m²; số thửa 70 (trong đó có 400m² đất ở) thuộc tờ bản đồ số 39 và các thửa 697, 695, 698, 694, 692, 671, 691, 673, 602, 605, 672, 689 tờ bản đồ số 47; địa chỉ các thửa đất tại xã TT; do UBND huyện ĐD cấp ngày 25/11/1999 và các tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TC201800424 ngày 15/01/2018 được ký kết giữa ông YT và bà MK với Ngân hàng để thu hồi nợ đối với toàn bộ số tiền đã vay và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng số 5405LAV202001017 ngày 25/02/2020 và hợp đồng tín dụng số 5405LAV202100965 ngày 05/3/2021 để thi hành án.

Nếu tài sản đảm bảo không đủ để trả nợ thì ông YT và bà MK còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng cho đến khi tất toán khoản nợ vay.

Trường hợp ông YT và bà MK thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số P782189, diện tích 9.295m² gồm các thửa 70 (trong đó có 400m² đất ở) thuộc tờ bản đồ số 39 và các thửa 697, 695, 698, 694, 692, 671, 691, 673, 602, 605, 672, 689 tờ bản đồ số 47; địa chỉ các thửa đất tại xã TT; do UBND huyện ĐD cấp ngày 25/11/1999 cho ông YT và bà MK.

- Về chi phí tố tụng: Ông YT và bà MK có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng X Việt Nam 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng (xem xét thẩm định tại chỗ).

- Về án phí: Ông YT và bà MK thỏa thuận nhận chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 16.078.000 đồng. Tuy nhiên, vợ chồng ông YT và bà MK chỉ có ông YT là người cao tuổi, thuộc đối tượng miễn án phí và ông YT có đơn xin miễn án phí nên miễn cho ông YT $\frac{1}{2}$ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.039.000đ. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm còn lại là 8.039.000đ bà MK nhận chịu toàn bộ. Ngân hàng X không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng X 14.761.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (do ông Nguyễn Đình T nộp tạm ứng án phí thay) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003931 ngày 05/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS huyện;
- Các đương sự;
- THA DS.
- Lưu HS, AV

THẨM PHÁN

Lê Đình Anh V